

Số: 551 /XN-DP

BM.QTQL 4.4_08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00551.17



Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng

Địa chỉ : Ấp Cây Sắn, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu : Nước đã xử lý

Lượng mẫu : 2.5 lít

Ngày nhận mẫu : 26/05/2017

Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.

Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/05/2017
2	<i>Coliform</i> tổng số (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/05/2017
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	0.52	2.0 (mg/L)	29/05/2017
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2012 (*)	84	300 (mg/L)	31/05/2017
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=2.0NTU)	2 NTU	29/05/2017
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2012 (*)	6.79	250 (mg/L)	29/05/2017
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.50	0.3-0.5 (mg/L)	29/05/2017
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.06mg/L)	0.3 (mg/L)	29/05/2017
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.1mg/L)	0.3 (mg/L)	31/05/2017
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	1.91	50 (mg/L)	29/05/2017
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.01mg/L)	3.0 (mg/L)	29/05/2017
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2012	0	15 TCU	29/05/2017
13	Mùi	SMEWW 2150-B-2012	Không	Không	29/05/2017
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.17	6.5-8.5	29/05/2017
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2012 (*)	9.55	250 (mg/L)	01/06/2017

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

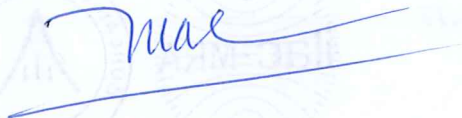
Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BYT ngày 17/06/2009

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 9 tháng 6 năm 2017

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Phan Thị Tuyết Mai



GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc

TRƯƠNG NGỌC LAN

Số: 44 /XN-DP

BM.QTQL 4.4_08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00044.17



Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng
Địa chỉ : Ấp Cầu Sắt, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương.
Tên mẫu : Nước đã xử lý
Lượng mẫu : 2.5 lít
Ngày nhận mẫu : 02/02/2017
Tình trạng mẫu : Mẫu không niêm phong, nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chia thủy tinh 0.5 lít.
Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.
Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	<3 (MPN/100mL)	Không cho phép(MPN/100mL)	07/02/2017
2	<i>Coliform tổng số</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	<3 (MPN/100mL)	Không cho phép(MPN/100mL)	07/02/2017
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	0.96	2.0 (mg/L)	07/02/2017
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2012 (*)	65.6	300 (mg/L)	08/02/2017
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD = 2.0NTU)	2 NTU	06/02/2017
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2012 (*)	11.67	250 (mg/L)	07/02/2017
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.35	0.3-0.5 (mg/L)	06/02/2017
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD = 0.06mg/L)	0.3 (mg/L)	07/02/2017
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.12mg/L)	0.3 (mg/L)	09/02/2017
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	0.93	50 (mg/L)	07/02/2017
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2012 (*)	0.01	3.0 (mg/L)	07/02/2017
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2012	0	15 TCU	06/02/2017
13	Mùi	SMEWW 2150-B-2012	Không	Không	06/02/2017
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.80	6.5-8.5	06/02/2017
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2012 (*)	2.38	250 (mg/L)	08/02/2017

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

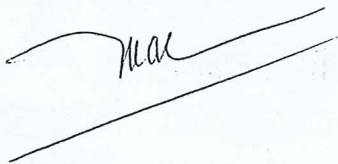
Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BYT ngày 17/06/2009

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 10 tháng 2 năm 2017

^u TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Phạm Thị Ngọc Lan



TRƯƠNG NGỌC LAN

Số: 551 /XN-DP

BM.QTQL 4.4_08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00551.17



Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng

Địa chỉ : Ấp Cây Sắn, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu : Nước đã xử lý

Lượng mẫu : 2.5 lít

Ngày nhận mẫu : 26/05/2017

Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.

Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/05/2017
2	<i>Coliform tổng số</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/05/2017
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	0.52	2.0 (mg/L)	29/05/2017
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2012 (*)	84	300 (mg/L)	31/05/2017
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=2.0NTU)	2 NTU	29/05/2017
6	Hàm lượng Cl ⁻	SMEWW 4500-CL-B:2012 (*)	6.79	250 (mg/L)	29/05/2017
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.50	0.3-0.5 (mg/L)	29/05/2017
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.06mg/L)	0.3 (mg/L)	29/05/2017
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.1mg/L)	0.3 (mg/L)	31/05/2017
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	1.91	50 (mg/L)	29/05/2017
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.01mg/L)	3.0 (mg/L)	29/05/2017
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2012	0	15 TCU	29/05/2017
13	Mùi	SMEWW 2150-B-2012	Không	Không	29/05/2017
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.17	6.5-8.5	29/05/2017
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2012 (*)	9.55	250 (mg/L)	01/06/2017

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

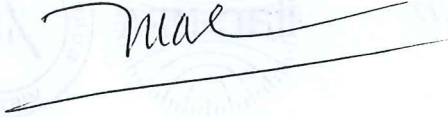
Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BHYT ngày 17/06/2009

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 9 tháng 6 năm 2017

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Phan Thị Tuyết Mai

GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc



TRƯƠNG NGỌC LAN

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả
1	Vi khuẩn Tổng số	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
2	Vi khuẩn Coliform	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
3	Vi khuẩn E. coli	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
4	Vi khuẩn Salmonella	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
5	Vi khuẩn Shigella	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
6	Vi khuẩn Vibrio	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
7	Vi khuẩn Pseudomonas	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
8	Vi khuẩn Klebsiella	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
9	Vi khuẩn Streptococcus	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
10	Vi khuẩn Lactobacillus	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
11	Vi khuẩn Bacillus	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
12	Vi khuẩn Clostridium	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
13	Vi khuẩn Enterobacter	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
14	Vi khuẩn Serratia	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
15	Vi khuẩn Proteus	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
16	Vi khuẩn Citrobacter	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
17	Vi khuẩn Acetivibrio	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
18	Vi khuẩn Aeromonas	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
19	Vi khuẩn Yersinia	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
20	Vi khuẩn Brucella	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
21	Vi khuẩn Mycobacterium	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
22	Vi khuẩn Nocardia	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
23	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
24	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
25	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
26	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
27	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
28	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
29	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện
30	Vi khuẩn Rhodospirillum	Phương pháp cấy đếm	Không phát hiện

Số: 1019 /XN-DP

BM.QTQL 4.4_08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01019.18



VILAS 722

Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng - Công Ty Cổ Phần Nước Thủ Dầu Một)
Địa chỉ : Ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương
Tên mẫu : Tại bể chứa
Lượng mẫu : 2.5 lít
Ngày nhận mẫu : 21/11/2018
Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.
Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD<3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	21/11/2018
2	<i>Coliform tổng số</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD<3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	21/11/2018
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	Không phát hiện (LOQ=0.5mg/L)	2.0 (mg/L)	26/11/2018
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2012 (*)	38.8	300 (mg/L)	23/11/2018
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2012 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	21/11/2018
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2012 (*)	Không phát hiện (LOQ=3.0mg/L)	250 (mg/L)	26/11/2018
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.40	0.3-0.5 (mg/L)	20/11/2018
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2012 (*)	Không phát hiện (LOD=0.02mg/L)	0.3 (mg/L)	26/11/2018
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (LOD=0.03mg/L)	0.3 (mg/L)	23/11/2018
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	0.58	50 (mg/L)	23/11/2018
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2012 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	22/11/2018
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2012	0	15 TCU	21/11/2018
13	Mùi vị	SMEWW 2150-B-2012	Không	Không	21/11/2018
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.28	6.5-8.5	21/11/2018
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2012 (*)	2.6	250 (mg/L)	26/11/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BHYT ngày 17/06/2009

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Mai

Phan Thị Tuyết Mai

GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc



TRƯƠNG NGỌC LAN

Số:  /XN-DP

BM.QTQL 4.4_08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00111.18



VILAS 722

Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng

Địa chỉ : ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bàu Bàng

Tên mẫu : Tại bể chứa

Lượng mẫu : 2.5 lít

Ngày nhận mẫu : 05/03/2018

Tình trạng mẫu : Nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 500mL, bảo quản lạnh.

Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	06/03/2018
2	<i>Coliform</i> tổng số (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	06/03/2018
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.5mg/L)	2.0 (mg/L)	07/09/2018
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2012 (*)	30	300 (mg/L)	07/03/2018
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=2.0NTU)	2 NTU	07/03/2018
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2012 (*)	8.25	250 (mg/L)	09/03/2018
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.49	0.3-0.5 (mg/L)	07/03/2018
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2012 (*)	0.07	0.3 (mg/L)	07/03/2018
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.1mg/L)	0.3 (mg/L)	07/03/2018
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	0.97	50 (mg/L)	08/03/2018
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2012 (*)	Không phát hiện (MLOD=0.01mg/L)	3.0 (mg/L)	09/03/2018
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2012	0	15 TCU	07/03/2018
13	Mùi	SMEWW 2150-B-2012	Không	Không	07/03/2018
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.02	6.5-8.5	07/03/2018
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2012 (*)	8.83	250 (mg/L)	09/03/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

- *Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết khiếu nại kết quả xét nghiệm..*

Shan Thi Tuyet Mai

M ĐỐC
Phó Giám Đốc



TRƯỜNG NGỌC LAN

Số: 047 /XN-DP

BM.QTQL 4.4 08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00647.18



VILAS 722

Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng - Công Ty Cổ Phần Nước Thủ Dầu Một

Địa chỉ : Ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu : Tại bể chứa

Lượng mẫu : 2.5 lít

Ngày nhận mẫu : 09/08/2018

Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.

Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100ml)	Không cho phép (MPN/100mL)	09/08/2018
2	<i>Coliform</i> tổng số (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100ml)	Không cho phép (MPN/100mL)	09/08/2018
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	Không phát hiện (LOQ=0.5mg/L)	2.0 (mg/L)	13/08/2018
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2012 (*)	38.8	300 (mg/L)	13/08/2018
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2012 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	10/08/2018
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2012 (*)	11.17	250 (mg/L)	13/08/2018
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.35	0.3-0.5 (mg/L)	09/08/2018
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW 3500_Fe_B:2012 (*)	Không phát hiện (LOD=0.02mg/L)	0.3 (mg/L)	13/08/2018
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (LOD=0.03mg/L)	0.3 (mg/L)	13/08/2018
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	1.8	50 (mg/L)	10/08/2018
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2012 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	10/08/2018
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2012	0	15 TCU	10/08/2018
13	Mùi vị	SMEWW 2150-B-2012	Không	Không	10/08/2018
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.31	6.5-8.5	10/08/2018
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2012 (*)	3.9	250 (mg/L)	13/08/2018

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BHYT ngày 17/06/2009

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 17 tháng 8 năm 2018

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Phan Chi Tuyết Mai



GIÁM ĐỐC

Phó Giám Đốc

TRƯƠNG NGỌC LAN

Số: 1036 /XN-KSBT

BM-05/QTQL.07/XXHD-7.1

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01036.19



Tên khách hàng : Chi nhánh cấp nước Bàu Bàng

Địa chỉ : xã Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu : Tại bể chứa

Lượng mẫu : 2.5 lít

Ngày nhận mẫu : 22/10/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.

Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	22/10/2019
2	<i>Coliform tổng số</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	22/10/2019
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	Không phát hiện (LOQ=0.5mg/L)	2.0 (mg/L)	23/10/2019
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2017 (*)	8.4	300 (mg/L)	23/10/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	22/10/2019
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2017 (*)	11.25	250 (mg/L)	24/10/2019
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.30	0.3-0.5 (mg/L)	22/10/2019
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.02mg/L)	0.3 (mg/L)	23/10/2019
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (LOD=0.03mg/L)	0.3 (mg/L)	23/10/2019
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	0.87	50 (mg/L)	23/10/2019
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	24/10/2019
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2017	0	15 TCU	22/10/2019
13	Mùi vị	SMEWW 2150-B-2017	Không	Không	22/10/2019
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	6.58	6.5-8.5	22/10/2019
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ - E:2017 (*)	3.1	250 (mg/L)	24/10/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

Ghi chú: - *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.*

Bình Dương, ngày 1 tháng 11 năm 2019

GIÁM ĐỐC


Lê Thanh Cường



Trần Văn Chung

Số: 370 /XN-DP

BM.QTQL 4.4_08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00370.19



Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng - Công Ty Cổ Phần Nước Thủ Dầu Một
Địa chỉ : Ấp Cây Sắn, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương
Tên mẫu : Tại bể chứa
Lượng mẫu : 2.5 lít
Ngày nhận mẫu : 28/05/2019
Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.
Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/05/2019
2	<i>Coliform tổng số</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/05/2019
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	Không phát hiện (LOQ=0.5mg/L)	2.0 (mg/L)	29/05/2019
4	Độ cứng	SMEWW 2340-C:2017 (*)	18.0	300 (mg/L)	03/06/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	29/05/2019
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2017 (*)	16.02	250 (mg/L)	29/05/2019
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.40	0.3-0.5 (mg/L)	28/05/2019
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.02mg/L)	0.3 (mg/L)	29/05/2019
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (LOD=0.03mg/L)	0.3 (mg/L)	03/06/2019
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	<LOQ=0.09mg/L	50 (mg/L)	03/06/2019
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	03/06/2019
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2017	0	15 TCU	29/05/2019
13	Mùi vị	SMEWW 2150-B-2017	Không	Không	29/05/2019
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.20	6.5-8.5	29/05/2019
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2017 (*)	10.2	250 (mg/L)	29/05/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ
Trưởng Bộ Y tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BHYT ngày 17/06/2009

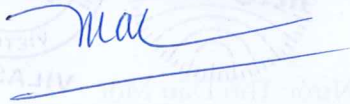
Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 11 tháng 6 năm 2019

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

GIÁM ĐỐC



Phan Chi Tuyết Mai



Lương Thị Hồng Lê

Số: 202 /XN-DP

BM.QTQL 4.4_08

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00202.19



VILAS 722

Tên khách hàng : Nhà máy nước Bàu Bàng - Công Ty Cổ Phần Nước Thủ Dầu Một

Địa chỉ : Ấp Cây Sắn, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu : Tại bể chứa

Lượng mẫu : 2.5 lít

Ngày nhận mẫu : 28/03/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.

Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/03/2019
2	<i>Coliform tổng số</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	29/03/2019
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	Không phát hiện (LOQ=0.5mg/L)	2.0 (mg/L)	02/04/2019
4	Độ cứng	SMEWW 2340-C:2017 (*)	20.0	300 (mg/L)	29/03/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	28/03/2019
6	Hàm lượng Cl-	SMEWW 4500-CL-B:2017 (*)	12.63	250 (mg/L)	02/04/2019
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.40	0.3-0.5 (mg/L)	28/03/2019
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.02mg/L)	0.3 (mg/L)	02/04/2019
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	Không phát hiện (LOD=0.03mg/L)	0.3 (mg/L)	01/04/2019
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	<LOQ=0.09mg/L	50 (mg/L)	29/03/2019
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	01/04/2019
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2017	0	15 TCU	28/03/2019
13	Mùi vị	SMEWW 2150-B-2017	Không	Không	28/03/2019
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.07	6.5-8.5	28/03/2019
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ -E:2017 (*)	7.9	250 (mg/L)	03/04/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BHYT ngày 17/06/2009

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 9 tháng 4 năm 2019

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

GIÁM ĐỐC



Mai
Phan Thị Tuyết Mai



Chal
Lương Thị Hồng Lê

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Ngày xét nghiệm	Kết quả	Ghi chú
1	Nguyễn Văn A	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
2	Nguyễn Văn B	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
3	Nguyễn Văn C	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
4	Nguyễn Văn D	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
5	Nguyễn Văn E	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
6	Nguyễn Văn F	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
7	Nguyễn Văn G	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
8	Nguyễn Văn H	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
9	Nguyễn Văn I	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
10	Nguyễn Văn J	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
11	Nguyễn Văn K	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
12	Nguyễn Văn L	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
13	Nguyễn Văn M	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
14	Nguyễn Văn N	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
15	Nguyễn Văn O	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
16	Nguyễn Văn P	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
17	Nguyễn Văn Q	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
18	Nguyễn Văn R	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
19	Nguyễn Văn S	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	
20	Nguyễn Văn T	Thị trấn Tân Phú, Huyện Tân Phú, Tỉnh Bình Dương	10/03/2019	Đạt yêu cầu	

Số: 544 /XN-DP

BM-05/QTQL.07/XXHD-7.1

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 00544.19



Tên khách hàng : Chi nhánh cấp nước Bàu Bàng

Địa chỉ : Ấp Cây Sạn, Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương

Tên mẫu : Tại bể chứa

Lượng mẫu : 2.5 lít

Ngày nhận mẫu : 09/08/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu nước được chứa trong can nhựa 2 lít và chai thủy tinh 0.5 lít. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh.

Thời gian lưu mẫu: Lưu 0 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>E.coli</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	12/08/2019
2	<i>Coliform tổng số</i> (MPN)	TCVN 6187-2:1996 (*)	Không phát hiện (LOD=3MPN/100mL)	Không cho phép (MPN/100mL)	12/08/2019
3	Chỉ số Pecmanganat (Độ Oxi hóa)	TCVN 6186:1996 (*)	Không phát hiện (LOQ=0.5mg/L)	2.0 (mg/L)	12/08/2019
4	Độ cứng	SMEWW 2340_C:2017 (*)	31.6	300 (mg/L)	12/08/2019
5	Độ đục	SMEWW 2130-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOQ=2.0NTU)	2 NTU	09/08/2019
6	Hàm lượng Cl ⁻	SMEWW 4500-CL-B:2017 (*)	11.65	250 (mg/L)	12/08/2019
7	Hàm lượng Clo dư	HACH	0.40	0.3-0.5 (mg/L)	09/08/2019
8	Hàm lượng Fe tổng cộng	SMEWW_3500_Fe_B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.02mg/L)	0.3 (mg/L)	12/08/2019
9	Hàm lượng Mangan tổng	TCVN 6002:1995 (*)	<LOQ=0.1mg/L	0.3 (mg/L)	13/08/2019
10	Hàm lượng Nitrate	TCVN 6180:1996 (*)	0.41	50 (mg/L)	12/08/2019
11	Hàm lượng Nitrite	SMEWW 4500_NO2-B:2017 (*)	Không phát hiện (LOD=0.003mg/L)	3.0 (mg/L)	13/08/2019
12	Màu sắc	SMEWW 2120-B-2017	0	15 TCU	09/08/2019
13	Mùi vị	SMEWW 2150-B-2017	Không	Không	09/08/2019
14	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7.25	6.5-8.5	09/08/2019
15	Sunphate	SMEWW 4500-SO4 ²⁻ - E:2017 (*)	4.18	250 (mg/L)	13/08/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu xét nghiệm trên phù hợp theo tiêu chuẩn QCVN:01/2009/BYT của Bộ
Trưởng Bộ Y tế ban hành theo thông tư số:04/2009/TT - BHYT ngày 17/06/2009

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm..

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2019

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



Lê Thanh Trường



Phó Giám Đốc

Trần Văn Chung

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Yêu cầu
1	Vi khuẩn coliform	MPN/100ml	0	≤ 10
2	Vi khuẩn E.coli	MPN/100ml	0	≤ 10
3	Vi khuẩn Salmonella	MPN/100ml	0	≤ 10
4	Vi khuẩn Shigella	MPN/100ml	0	≤ 10
5	Vi khuẩn Vibrio	MPN/100ml	0	≤ 10
6	Vi khuẩn Aeromonas	MPN/100ml	0	≤ 10
7	Vi khuẩn Pseudomonas	MPN/100ml	0	≤ 10
8	Vi khuẩn Klebsiella	MPN/100ml	0	≤ 10
9	Vi khuẩn Streptococcus	MPN/100ml	0	≤ 10
10	Vi khuẩn Lactobacillus	MPN/100ml	0	≤ 10
11	Vi khuẩn Bacillus	MPN/100ml	0	≤ 10
12	Vi khuẩn Clostridium	MPN/100ml	0	≤ 10
13	Vi khuẩn Enterobacter	MPN/100ml	0	≤ 10
14	Vi khuẩn Serratia	MPN/100ml	0	≤ 10
15	Vi khuẩn Yersinia	MPN/100ml	0	≤ 10